



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 42, Xuân 99

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481- 0217

*Đêm dài dễ mộng về
thôn cũ,
Năm hết không quên
phân lũ hành.
Mười vạn ức đường
quê Cực Lạc,
Tất lòng mang mến
những thâu canh!*

TU TÈ LÃO NHON

Đọc trong số này

- Khai Thị:
Biến Cải Tập Quán Cũ
Tuyển Chọn Tôn Chỉ Mới
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
Phần 6: Chánh Tín Hy Hữu
- Nguyễn
- Thông Báo
- HT Hư Vân Họa Truyện #15
Rời Bỏ Đồi Thế,
Cùng Bạn Xuất Gia.

Phát Hành

*Dharma Realm Buddhist Assn.
Gold Sage Monastery
(Tu Viện Kim Thánh)
11455 Clayton Road
San Jose, CA 95127
Fax. (408) 923 - 1064*

Biến Cải Tập Quán Cũ Tuyển Chọn Tôn Chỉ Mới

Changing Old Habits and Making New Resolutions

Ven. Master Hsuan Hua on February 19, 1985

HT Tuyên Hóa

Hôm nay là ngày cuối năm, ngày mai bắt đầu năm mới. Ngay bây giờ chúng ta nên sửa đổi những tập quán cũ. Trong quá khứ việc làm của chúng ta đều vì thói quen không tốt,

Today is the last day of the year designated by the cyclical characters *ja* (note: the first of the Heavenly Stems) and *dz* (note: the first of the Earthly Branches). Tomorrow is the beginning of the year designated by the characters *yi* (note: the second of the Heavenly Stems) and *chou* (note: the second of the Earthly Branches). Now is the time for us to change our old habits. In the past, due to bad habits, there were very many ways in which what we did was not in accord with the Dharma. Starting from tomorrow, we should make new resolutions and become new people. If we are never willing to “awaken to what is right today and what was wrong yesterday,” then we will not make progress in our cultivation, and will simply be wasting our time.



All of you! Don't conceal your short-

thậm chí ở nhiều lãnh vực không được hợp pháp. Bắt đầu từ ngày mai cần tuyển chọn một tôn chỉ mới, làm lại con người mới. Nếu như không nhận ngày nay làm việc phải và những ngày qua làm việc trái thời việc tu học không có chi tiến bộ, chỉ như trong bóng tối mờ mịt mà thôi.

Quý vị không nên bao che dấu cái không tốt của mình mà phải phát huy cái tốt của chính mình, cho nên gọi là thấy kẻ hiền lo tu sửa mình là vậy đó. Chúng ta cần xem sự tu sửa của Thầy Tăng Tử, học tập theo thói quen của vị hiền triết này. Trong sách Luận Ngữ có ghi việc ấy như sau: “Tăng tử viết: Ngô nhứt tam tĩn ngô thân, vị nhân mưu nhi bất trủng hồ, vị bằng hữu giao nhi bất tĩn hồ, truyền bất tập hồ.” Câu trên nghĩa là: Thầy Tăng tử nói, mỗi ngày ông có ba điều phải tự kiểm điểm lấy mình. Phàm làm một công việc gì, đã làm hết năng lực và trung thực hết sức chưa? Trong khi giao tiếp với bạn bè có chỗ nào không được thành tín chăng? Việc học tập mỗi ngày có chỗ nào chưa ôn tập nghiên cứu chu đáo không? Đó là lời ghi chép chúng ta mượn làm tấm gương soi chiếu việc làm của chúng ta.

Trong sách Tam Tự Kinh Diễn Nghĩa có nói: “Nhân chi sơ, Tánh Bản Thiện, Tập Tương viển, Cẩn bất giáo, Tánh Nãi thiện.” Đứa bé khi mới sanh ra bản tánh chúng nó đều lương thiện, vì bản tánh và thiện lương gần gũi nhau cho nên mới nói “Tánh Tương Cận.” Về sau lớn lên bị hoàn cảnh huân tập lâu ngày, tiêm nhiễm thói quen tật xấu. Hễ tiêm nhiễm màu trắng thành trắng, tiêm nhiễm màu vàng thành vàng, tánh tình dần dần xa thiện lương, cho nên nói: “Tập Tương Viển.” Trong thời kỳ này nếu không thường xuyên giáo dục tốt, sửa đổi những thói quen không tốt để trở về thiện lương thời tánh tình thay đổi.

Lúc còn trẻ có cha mẹ, thầy cô và các vị tôn trưởng dạy dỗ để thay đổi những thói quen

comings and promote your long points. There is a saying, “When you see worthies, wish to be like them.” We should try to emulate Tseng Dz and learn his style. It is recorded in *The Analects: Tseng Dz said, “I daily examine myself on three points. In carrying out plans for others, have I been disloyal? In interacting with friends, have I been untrustworthy? Have I failed to go over what I was taught?”* What Tseng Dz said was, “Every day I have to take stock of myself concerning three matters. In taking care of things, have I loyally and truly done the best job I could? In my relations with my friends, were there some ways in which I violated their trust? Did I go over and review the lessons which I studied each day?” We can use this quotation as a mirror for ourselves.

The Three Character Classic states this very clearly. It says: “**People at their origin have natures of fundamental goodness, to which their natures are close; but habits make them distant. If they are not taught, then their natures shift.**” The basic natures of children, when they are first born, are good and wholesome. Because their original natures are close to goodness, it says “to which their natures are close.” Gradually, as they grow up, they are fashioned and influenced by their environment, and become stained by habits. A saying describing this goes: “Something stained blue becomes blue; something stained yellow becomes yellow.” At that point, their natural temperaments bit by bit depart from goodness. During that period, if you cannot teach them well and reform their old bad habits, so they return to their nature of goodness, their natural temperaments will shift and change.

When you are young, your parents and elders come and instruct you so you correct your faults and bad habits. However, once you are an adult, no one comes to set you straight. If you wish to change yourself for the better, you have to make the corrections yourself. For that reason, today’s topic is “Changing Old Habits and Making New Resolutions.”

We need to recognize our goals clearly. How should we act as people? How can we become genuine

không tốt, khi lớn không có ai dạy dỗ hướng dẫn, muốn sửa đổi những tập quán không tốt thời tự mình phải làm lấy. Vì vậy “Biến cải tập quán cũ, tuyển chọn tôn chỉ mới” đó là đề tài trình bày cùng quý vị hôm nay.

Chúng ta phải nhận rõ mục tiêu làm người như thế nào? Làm thế nào để thành người Phật tử chân chánh? Phương châm mới là gì? Tôn chỉ mới là gì? Những vấn đề này phải hiểu cho cặn kẽ. Nếu không hiểu rõ như vậy thời không có cách gì biến cải tập quán cũ, không có cách gì chọn được tôn chỉ mới được. Quý vị nên chú ý đến điểm này.

Nói tóm lại vấn đề này cũng đơn giản thôi, chỉ tuân hành thực hiện: *“chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”* nghĩa là tất cả điều gì ác đừng làm, mọi việc thiện nên làm, thế là đủ. Ai ai cũng làm như thế tự nhiên mục tiêu sẽ đạt được.

Theo phương châm mới, đem tất cả ghen ghét ganh tị, chướng ngại, cống cao, ngã mạn, tiêu diệt hoàn toàn không để chúng phát sanh gây ra ảnh hưởng. Làm thế nào tiêu diệt được bốn loại tâm lý bất chánh này? Điều đó phải dùng 4 tâm vô lượng TỪ, BI HỖ, XẢ để chữa trị. Có lòng nhân từ thời không ghen ghét ganh tị, có lòng thương xót thời không có chướng ngại, có hoan hỷ thời không cống cao, có hỷ xả thời không ngã mạn. Các vị nghiên cứu vấn đề này thấy có hợp đạo lý hay không?

Tôn chỉ mới là không tranh giành, không tham lam, không mong cầu, không ích kỷ,

disciples of the Buddha? What is the new direction we will take? What are our new resolves? We need to clarify these questions. Otherwise, there will be no way to change our old habits or make new resolutions. All of you should pay attention to this point!

Taken as a whole, this problem is very simple. What is required is actually putting in the work oneself. “Not doing any evil, and offering up all good conduct” will suffice. If everyone were to go in that direction, then everyone would very naturally achieve his or her objective in being a person.



Our new direction is to eradicate our habits of jealousy, obstruction of others, arrogance, conceit and so forth completely, and not allow them to operate. How can we eradicate those four improper attitudes of mind? We can do it by counteracting them using the Four Unlimited Minds of kindness, compassion, sympathetic joy, and renunciation. If you are kind hearted, then you will not be jealous. If you are compassionate, you

will not harbor a wish to obstruct others. If your attitude is one of sympathetic joy, you will not be arrogant. With a mind of renunciation, you will not be conceited. Look into this, all of you. Does this make sense or not?

Our new resolutions are: **not to fight, not to be greedy, not to seek, not to be selfish, not to pursue self-benefit, and not to lie.** Actually, these are the old guiding principles of the Sagely City of Ten Thousand Buddhas. Even though you have heard them very many times, you have not truly put them into practice. So long as you have not yet actually practiced them, they are new. After you have put

không tự lợi, không nói dối. Kỳ thiết mấy vấn đề này là tôn chỉ xưa nay của Vạn Phật Thánh Thành, quý vị cũng từng nghe nhiều lần, nhưng chưa thực hành thông suốt. Việc gì chưa thực hành coi như mới cả, khi đã thực hành thời không có gì mới mẻ. Hôm nay tôi giải bày lại ý nghĩa của sáu tôn chỉ này, hy vọng quý vị chú ý.

Chúng ta vì sao có phiền não, lo lắng? Đó là do tranh giành, tham lam, mong cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối, chúng tác quái chi phối thân tâm nên quý vị không thể tự tại. Nếu không hàng phục chúng nó, không tránh khỏi bị điên đảo. Để đạt được cảnh giới không phiền, không não, không lo, không nghĩ thời bất cứ lúc nào cũng phải hiểu rõ thấu suốt tự tại. Vì sao chúng ta không thể hiểu rõ thấu suốt, vì sao chúng ta không thể tự tại? Nói tóm lại là do sự chuyển biến của sáu cảnh giới trên.

Lúc nhỏ tôi tranh hơn tranh thua với kẻ khác, ôm bụng bất bình. Nếu có việc bất bình trừ khi không biết, nếu biết tất nổi xung đem ra tranh luận phải trái. Nói đến tham, tôi tham cái gì? Tham ăn (Hầu hết trẻ con mắc tật này). Có món ăn ngon, không có phần cho mình nhất định phải tranh, phải đòi cho được.

Đến lúc mười hai tuổi tự nghĩ lại chuyện xưa sao hồi ấy mình tranh dành làm gì, Nghiên cứu rõ sai trái, sửa đổi theo lối sống mới. Đầu tiên tại gia đình cúi đầu trước cha mẹ tỏ lòng ăn năn. Trong quá khứ có nhiều chuyện làm cha mẹ lo lắng, từ nay về sau sẽ không tranh dành, tham lam, mong cầu, không ích kỷ, không tự lợi nữa. Tôi cảm thấy rất thực dụng mãi cho đến ngày nay trọn đời làm đúng điều ấy không hề sai trái.

Sau này ngoài việc lạy trước cha mẹ, còn lạy trước Trời, Đất, Vua, Thầy, người thân, rồi đến các bậc Thánh nhân, Hiền triết, người đại thiện, đại hiếu, thậm chí đến người đại ác cũng lạy. Tại sao vậy? Điều đó làm cho

them into practice, they will no longer be new. Today I am going to strum the same old tune, and talk about the meaning of the Six Great Principles, and I hope all of you will pay attention!

Why do we have afflictions? Why do we have worries? Our fighting, greed, seeking, selfishness, pursuit of self-benefit and lying are to blame. They control our bodies and minds so we are not free or at ease. If we can subdue them, then we will not be upside down, and will reach the state of freedom from afflictions and troubles, worries and cares. At all times we will achieve contemplation at ease. Why do we not achieve contemplation, and why are we not free and at ease? To put it in a nutshell, it is because we are turned by those six kinds of states.

When I was a little boy, I liked fight with people, to redress injustices. If something had been done unfairly, if I found out about it, I would definitely stand up and go to set things right. I was also greedy. What was I greedy for? I was greedy for things to eat. (All children have this problem.) When there was something good to eat, if I did not get a share, I was sure to start fighting until I got it.

After I reached the age of twelve, I began introspect about my character, wondering why I was so obstinate. When I had investigated to the point of understanding, then I changed my errors and started anew. I began in my home to bow to my father and mother, to express that I was sorry that in the past I had hurt my parents in many ways. From that time onwards, I did not fight anymore, I was not greedy, I did not seek, I was not selfish, and I did not pursue self-benefit. I felt these principles were very practical and, having employed them up until this day, I intend to adhere to them for my entire life without changing.

Later on, besides bowing to my parents, I bowed to heaven, earth, the ruler, my relatives, and my teachers. In addition, I bowed to the great sages on earth, the great worthies, the greatly good people and greatly filial people. I also bowed to greatly evil people. What was that? It was to cause them to change their evil

họ cái ác hướng thiện. Mỗi ngày tại Phật Học viện lạy tám trăm lần, mắt cả hai tiếng đồng hồ, dù mưa gió không làm trở ngại.

Lần trước đến chùa Kim Phật tại Gia Nã Đại, tôi nói với các vị sư Tam Bộ Nhất Bái (Hằng Thật và Hằng Triều): “Quý vị cứ thử đi, nếu không tranh, không tham, không cầu đó là điều vi diệu, không ích kỷ, tự lợi là điều tối vi diệu trong những cái diệu đó không còn pháp nào nhiệm màu hơn. Nếu như không chân chánh thực hành sáu tôn chỉ trên, quý vị thử xem còn phương pháp nào hay hơn? Quý vị thực hành sáu đại tôn chỉ này đối với việc tu hành tất có tiến bộ. Nếu không thời miễn bàn. Vẽ bánh không thể no bụng đói, nấu cát không thể thành cơm.”

Sáu đại tôn chỉ của Vạn Phật Thánh Thành, ai ai cũng phải ghi nhớ không thể quên. Vì sáu tôn chỉ này cho nên cái gì tôi cũng coi như không có, cái gì cũng bố thí người khác, không khuyên bảo người khác bố thí cho tôi. Đương nhiên có người bố thí tôi cũng không cự tuyệt. Tôi nhận sự bố thí, có cơ hội tôi phải làm lại một cái gì. Tôi làm được việc gì thì làm đến nơi đến chốn, nếu làm không được thì không làm miễn cưỡng.

Quý vị cứ nghĩ thử xem, nếu làm được như vậy thì còn gì phải lo âu sầu muộn, phải không? Còn có cái gì buông thả không được? Nếu thực hành đúng sáu tôn chỉ, là quý vị đã chân chánh hiểu rõ Phật Pháp. Nói một cách khác, Phật Pháp chân chánh bao quát cũng ở trong sáu đại tôn chỉ này mà thôi.

Không tranh giành nên không phạm giới sát. Vì sao phải sát sanh? Bởi tranh giành, anh tranh tôi cướp, nổi nóng lên sanh giết người, không tranh sẽ không phạm sát nên giới sát

ways and go towards the good. Each day I bowed in the courtyard more than eight hundred times, which took two hours, regardless of the wind or rain.

Last time I went to Gold Buddha Monastery in Canada, I told the two monks who did three steps one bow (Dharma Masters Heng Sure and Heng Chau): “The two of you should try it. If you do not



fight, are not greedy, do not seek, are not selfish, and not pursue self-benefit, that is the wonderful within the wonderful. There is no Dharma more wonderful than that. Furthermore, if you can actually put those Six Great Principles into practice, what could surpass that Dharma?” All of you! Work hard at putting the Six Great Principles into practice, and then you will make progress in your cultivation. Otherwise, it is all equivalent to empty talk. Painting a cake will

not cure hunger, nor will boiling sand result in rice.

Everyone should keep in mind the Six Great Principles of the Sagely City of Ten Thousand Buddhas at all times, and not forget them. For that reason, I renounce everything and give everything away to others, and am not always telling people to give to me. Of course, if people do give, I do not refuse. However, I do my best to give, and I do a little as I have the chance. Whatever I am able to do, I do that much; but I do not force things when they are beyond my means.

All of you, think it over. If you can act like that, what would you still have to worry about? What would you still be unable to put down? If you truly apply those Six Great Principles in practice, then you really understand the Buddha Dharma. To state this another way, the truths of the Buddha Dharma are

được giữ đúng.

Không tham sẽ không ăn trộm. Vì sao phải ăn trộm? Vì tham. Người tham lam thời thú gì mình cũng ham có, không có sanh ra ăn trộm, không tham thời giới trộm cắp sẽ giữ đúng.

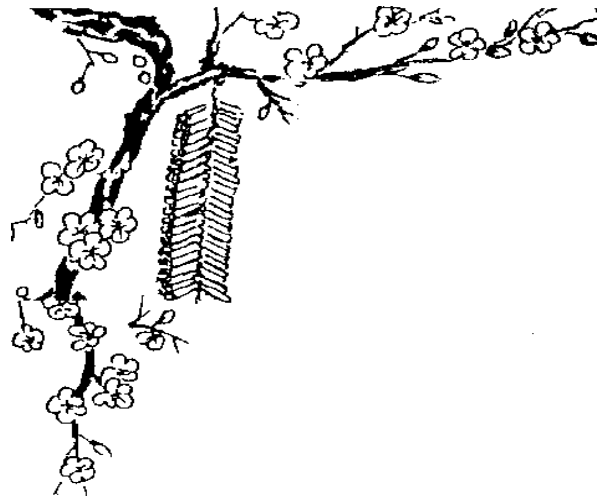
Không mong cầu thời tránh được dâm dục. Người nam muốn được người nữ, người nữ muốn được người nam đó là mong cầu. Cầu không được thời thần hồn điên đảo, thậm chí nằm mộng hãy còn mong cầu thấy điều mình ước, nên thân tâm không được yên tịnh. Không ích kỷ thời không vọng ngữ. Tại sao phải vọng ngữ, vì làm thế có lợi ích cho tự thân mình, cho nên ở đâu cũng nói dối nói gạt. Nếu không ích kỷ gặp hoàn cảnh nào cũng nói thật thời không phạm điều dối gạt.

Không tự lợi thời không phạm tửu giới. Người uống rượu cho rằng uống rượu làm cho máu huyết luân lưu, có lợi trong việc giữ gìn sức khỏe, thân thể nhất định cường tráng, khi uống rượu có cảm giác bông bênh như tiên. Từ vọng tưởng đó, người uống rượu tôn sùng tự lợi của họ.

Không vọng ngữ tức nói dối, nói hai đầu nghĩa chằm bị thóc chọc bị gạo, thời bao quát nằm trong năm điều trên, nhưng để mọi người cảnh giác sự nguy hại của điều này đặng không phạm phải, nên mới thêm vào thành sáu tôn chỉ.

Bây giờ tại chùa Kim Phật ở Vancouver, Gia Nã Đại thường thường giảng sáu đại tôn chỉ này để giáo hóa người già, trung niên hay thiếu niên khiến họ thông suốt những điều trọng yếu của Phật Pháp. Nếu như thật sự không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ thời xã hội an tịnh, gia đình hạnh phúc.

Người ta trên thế giới này nếu nghiêm chỉnh giữ năm giới không sát sanh, không trộm



included in these Six Great Principles.

Not fighting is just not breaking the precept against killing. Why do people want to kill? It is because they want to fight. You fight and I deprive, resulting in actions of murder and arson. If you neither fight nor kill, then you are holding the precept against killing.

Not being greedy is just not breaking the precept against stealing. Why do people want to steal? It is because of greed. They are greedy to have others' possessions. If you are not greedy, then you are maintaining the precept against stealing.

Not seeking is just not breaking the precept against lust. Men pursuing women is seeking, and women pursuing men is seeking too. When they do not obtain what they seek, their spirits are upside down, to the point that they still seek in their dreams, and their bodies and minds are not at peace.

Not being selfish is just not breaking the precept against lying. Why do people want to lie? It is in order to preserve their own benefits. That is why they are always deceiving people and speaking falsely. If you are not selfish, then under all circumstances you can speak the truth, and will not engage in deceit or trickery.

Not pursuing self-benefit is just not breaking the precept against taking intoxicants. People who take in-

cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu thời không phiền não, không lo lắng. Vì vậy sáu đại tôn chỉ này là rất nhiệm màu như kinh có nói: Đây là pháp vô lượng màu nhiệm, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp, nay chúng ta vừa nghe, vừa thấy phải lo gìn giữ thi hành, đừng hiểu rõ bản tánh Như Lai.

Đã là người con Phật, phải giữ gìn nghiêm chỉnh các giới căn bản, triệt để thực hành mới được an vui tự tại. Giả thiết không giữ nổi năm giới, thì quý vị Tỳ kheo phải giữ 250 giới, Tỳ kheo ni giữ đến 348 giới không dễ gì giữ nổi. Cho nên khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc nhập Niết Bàn tại rừng Song Thọ dặn ngài A Nan rằng: “Hãy lấy GIỚI làm thầy.” Bởi vậy giới luật quan trọng biết là dường nào!



toxicants feel that the intoxicant will improve their circulation, benefit their bodies, and certainly make them well. When they take the intoxicant, they feel giddy and elated and that they have become immortals. People who take intoxicants have such false thoughts, and the culprit is the pursuit of self-benefit.

Not lying is already included in the five items enumerated above, but in order to rouse everybody's vigilance and reinforce the bad points of lying, an additional item has been added as a warning.

Right now in Canada in the city of Vancouver at Gold Buddha Monastery, the Six Great Principles are constantly being lectured. They are taught to the elderly, to the middle aged, and to the young, so that people will know the essentials of the Buddha Dharma. If you are truly able not to fight, not to be greedy, not to seek, not to be selfish, not to pursue self-benefit, and not to lie, then society will definitely be stable, and households are sure to prosper.

If people in the world could strictly uphold the five precepts and not kill, not steal, not engage in lust, not lie, and not take intoxicants, then they would have no afflictions or worries. That is why I say that the Six Great Principles are the most wonderful Dharma door. You could also say they are “The unsurpassed, deep, profound, subtle and wonderful Dharma which is difficult to encounter in hundreds of thousands of eons. I now see, hear, receive it and uphold it, and I vow to understand the Tathagata's true meaning.”

I will say one thing more. To be a Buddhist, one must at the very least strictly uphold the five great fundamental precepts, and genuinely put them into practice. Only then can one be happy and at ease. If you are unable to maintain these five types of precepts, then it will be even harder to maintain the two hundred and fifty Bhikshu precepts, or the three hundred and forty-eight precepts of a Bhikshuni. Therefore, our fundamental Teacher, Shakyamuni Buddha, when he was about to enter nirvana in the Twin Trees Forest, told the Venerable Ananda: “Take the precepts as your Teacher.” From this we can tell how important the precepts are!



Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(Tiếp theo)

PHẦN SÁU: CHÁNH TÍN HY HỮU

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sanh thật tín phủ? Phật cáo Tu Bồ Đề: Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu phúc giả, ư thủ chương cú năng sinh tín tâm, dĩ thủ vi thật, đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sinh tịnh tín giả, Tu Bồ Đề, Như Lai tất tri, tất kiến, thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phúc đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tác vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhơn chúng sanh thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã nhơn chúng sanh thọ giả. Thị cố, bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: Như đẳng Tỳ Khưu tri ngã thuyết

pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Như có chúng sanh nào khi nghe được lời lẽ chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chớ nói như vậy!

Sau khi Như-lai diệt độ, khoảng năm trăm năm sau cùng, có ai trì giới, tu phước, đối với những chương cú này có thể sanh lòng tin, cho đây là thật, thì nên biết những người ấy không phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn năm Đức Phật gieo trồng căn lành, mà đã ở chỗ vô lượng ngàn vạn Đức Phật gieo trồng căn lành.

Những người nghe chương cú này, thậm chí chỉ một niệm sanh tín tâm, này Tu-bồ-đề! Như-lai đều biết hết, đều thấy hết.

Các chúng sanh này được vô lượng phước đức như thế. Tại vì sao? Vì các chúng sanh ấy không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp. Vì sao?

Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng, là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng của Pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì sao? Vì nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Bởi vậy, không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Vì ý nghĩa đó nên Như-lai thường nói: Các ông tỳ kheo! Nên biết pháp của ta ví như thuyền bè, đến pháp còn nên bỏ, hướng là phi pháp.

Lược giải:

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế-tôn! Như có chúng sanh nào khi nghe được lời lẽ chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Chớ nói như vậy!

"Tu-bồ-đề bạch Phật rằng," là do Ngài A Nan thêm vào khi kết tập kinh điển

"Như có chúng sanh," tức trưởng lão Tu-bồ-đề có sự hoài nghi, hoặc giả, khi nghe được lời trong mấy chương cú đó—tức là kinh—không biết người ta có thể tin một cách chân thành chăng? Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi Phật như vậy thì Phật bảo rằng: "Ông không nên nói cách đó, không nên nói như vậy!" Vì sao?

Sau khi Như-lai diệt độ, khoảng năm trăm năm sau cùng, có ai trì giới, tu phước, đối với chương

cú này có thể sanh lòng tin, cho đây là thật, thì nên biết những người ấy không phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật gieo trồng căn lành, mà đã ở chỗ vô lượng ngàn vạn Đức Phật gieo trồng căn lành.

Thời gian năm trăm năm đầu, bao gồm thời gian khi Đức Phật còn tại thế, gọi là thời "*thiền định kiên cố*," cũng là khoảng thời gian có nhiều người tu hành được chứng quả. Thời kỳ tiếp, năm trăm năm, gọi là thời "*đa văn kiên cố*," và trong khoảng thời gian này mọi người đều nghiên

cứu kinh điển. Kế đó, năm trăm năm, gọi là thời kỳ "*tự miếu kiên cố*." Sau đó là thời mạt pháp, gọi là thời "*đấu tranh kiên cố*," tức là thời bây giờ của chúng ta đây.

Đức Phật nói: "Sau ngày ta diệt độ năm trăm năm, kẻ nào chuyên trì giới luật, tu phước, và đối với đoạn này trong *Kinh Kim Cang*, họ sanh

lòng tin, coi ý nghĩa này của kinh là chân thật, không hư dối. Ông nên biết rằng kẻ đó đã từng gieo trồng căn lành, không phải chỉ trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp hoặc năm kiếp mà đã gieo trồng căn lành trong vô lượng, ngàn vạn kiếp."

Gieo trồng căn lành là thế nào? Căn lành là phải gieo trồng trước Tam-bảo. Cúng dường Tam-bảo là gieo căn lành, cung kính Tam-bảo là gieo căn lành, tin y vào Tam-bảo là gieo căn lành. Căn lành và căn



ác là hai loại. Nếu ta không gieo căn lành, căn ác của ta sẽ tăng trưởng; nếu ta không tin y Tam-bảo, cũng khiến cho căn ác tăng trưởng; ta xa lánh Tam-bảo tức là ta xa lánh căn lành; ta thân cận với Tam-bảo, tức là ta làm tăng trưởng căn lành. Người ở châu Bắc-câu-lư không thấy Phật, không nghe Pháp, không thấy Tăng, nên căn lành của họ bị đoạn, do đó họ sanh ra ở châu Bắc-câu-lư, tuy được hưởng tuổi thọ dài lâu, nhưng cũng lâm vào một trong *tám nạn* (bát nạn, tam đồ). Quý vị muốn làm cho căn lành nảy nở, tất phải cúng dường, cung kính, y tin Tam-bảo.

Qui y Tam-bảo là sơ bộ gieo trồng căn lành, sau đó thọ năm giới, tám giới, Bồ-tát giới, mười giới, rồi thọ đến giới tỳ kheo, hai trăm năm mươi giới. Cái đó gọi là các nhân duyên để gieo trồng căn lành. Giữ năm giới, tu thập thiện, cũng đều là việc gieo trồng căn lành.

Căn lành là một cái gì, nhìn thì không thấy, lắng tai thì không nghe, ngửi không có mùi. Khi nào các vị đi gieo trồng căn lành, gieo xong, cũng không thấy một cảm giác gì, bởi vì nó là vô tướng. Ở phần trên, chúng ta chẳng nghe câu "phàm cái gì có tướng đều là hư vọng" hay sao? Có tướng là hư dối, không tướng chính là chân thật. Chúng ta chỉ biết có một chuyện là lo lắng cho tám thân này, mà không lo gì cho căn lành. Căn lành là gì? Là trí huệ của ta, chính là pháp thân của ta, không khác, chỉ có tên gọi là khác mà thôi. Căn lành tức là cái gốc lành, cái cơ sở tốt, ta phải lo tu sửa. Nếu ta có cơ sở tốt, pháp thân của ta sẽ hiển hiện, trí huệ của ta sẽ tăng trưởng, cái công năng thực tướng bát nhã vốn có của ta sẽ vì thế mà được khôi phục.

Cho nên trồng căn lành, phải nên gieo trồng trước Tam-bảo, để một ngày kia qua

Bồ-đề có thể kết thành trái, chẳng đến nổi uổng phí công gieo trồng. Nếu lại gieo trồng căn lành tại chỗ ngoại đạo, thì trồng được bao nhiêu, thời gian bao lâu, cũng coi như hư dối, chẳng thật. Phàm trồng thiện căn, thì có thiện căn gì cũng nên gieo trồng, cho nên nói: "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành" (đừng làm các điều ác, làm các điều thiện).

Những người nghe chương cú này, thậm chí chỉ một niệm sanh tín tâm, ông Tu-bồ-đề! Như-lai đều biết, đều thấy hết cả.



Bởi vì người ta đã trồng căn lành ở chỗ vô lượng ngàn vạn vị Phật, nên một khi nghe *Kinh Kim Cang*, thì chỉ một niệm là đã sanh lòng tin, rất thanh tịnh và thuần khiết. Niềm tin đó là một loại tinh thuần, không vướng chút nào nghi hoặc, rất chân, rất thật. Phật bảo Tu-bồ-đề phải nên hiểu rằng Như-lai ắt biết và ắt thấy người đó.

Các chúng sanh này được vô lượng phước đức như thế. Tại làm sao? Các chúng sanh ấy không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Phước đức của các chúng sanh này thật là vô lượng vô biên. Tại sao vậy? Bởi vì họ không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Thế nào là không có tướng ngã? Không có tướng ngã tức là không có ta, coi mình như không có. Thế nào gọi là không có tướng nhân? Tức là không có

người. Ta cũng không, người cũng không, nhân ngã đều không có, cho nên chúng sanh cũng không có luôn. Chúng sanh là không thì tự nhiên không có thọ giả. Tướng thọ giả là niềm hy vọng sống mãi mãi, hề luyến tiếc một cái gì, không muốn nó bị hư hỏng, gọi là tướng thọ giả.

Không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp. Vì sao?

Nhân mà không, thì pháp cũng không, hết thảy mọi tướng của pháp cũng không, cũng như tướng của các thứ không phải pháp, cũng đều không luôn. Tại bản thể, không có gì là pháp, cũng như không có gì là chẳng phải pháp, nguyên do bởi đâu vậy?

Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng, là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn giữ tướng Pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì sao? Vì nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Nếu trong tâm của chúng sanh còn có tướng, tức hãy còn chấp tướng, chấp có mình, có người, có chúng sanh, có thọ giả, thì không thể giải thoát được, không thể gọi là đã chân chánh buông xả. Nếu còn đeo lấy tướng pháp, pháp chẳng thể không, thì cũng là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, bốn thứ tướng. Nếu giữ tướng phi pháp, thì cũng chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, đâu có phá được chúng.

Bởi vậy, không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Vì ý nghĩa đó nên Như-lai thường nói: Các ông tỳ-kheo! Nên biết pháp của ta ví như thuyền bè, đến

pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Bởi thế cho nên, không thể giữ tướng của pháp, mà tướng của cái chẳng phải pháp cũng phải buông bỏ. Bởi do ý nghĩa ấy mà quý vị thường nghe Phật nói: "Các ông tỳ-kheo! mọi pháp tôi nói với các ông ví như một chiếc thuyền vậy." Cái thuyền đó để làm gì? Thuyền đó dùng để vượt cái bể khổ sanh tử, khi nào cái khổ sanh tử hết, thì phải bỏ cái thuyền đó đi. Còn như chưa hết sanh tử, thì phải cần thuyền để tu hành, cho nên có câu: "Qua sông rồi, không cần đò." Ta đã qua được sông rồi thì không cần vác theo cái đò để đi tiếp. Nếu quả quý vị đã qua tới bờ rồi mà còn nói rằng không biết để con đò ở đâu nên phải vác theo đi, thì mọi người sẽ coi quý vị là người điên khùng.

Cái pháp chân chánh mà còn phải buông bỏ nó, huống chi là cái không phải pháp, lẽ nào không bỏ nó đi? Pháp còn phải bỏ, chẳng phải pháp thì lại càng phải bỏ gấp!



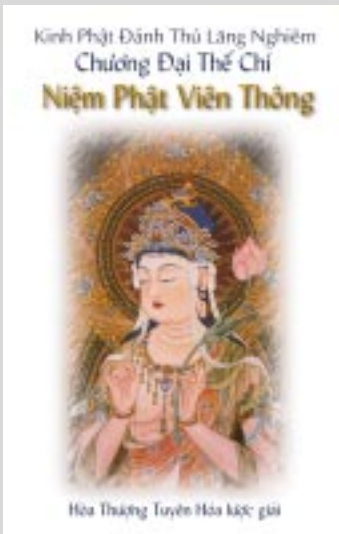


Kinh Sách Bằng Ấn Tống



- Khai Thị 1, 2, 3: *Những bài Pháp thoại của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Hoa Sen Ngày Xuân: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Cẩm Nang Tu Đạo: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm*
- Bằng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)

- **Bằng đọc Khai Thị 2 (gồm 6 cuốn).**
- **Kinh A Di Đà do HT Tuyên Hóa lược giải.**
- **Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông do Cố Lão Hòa Thượng lược giải.**
- **Bằng đọc "Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Lược Giải" (1 cuốn).**
- **Pháp Ngữ: ngũ lục hay những lời khai thị của Cố Lão Hòa Thượng.**



Ban Việt ngữ của Viện dịch Kinh sẽ tiếp tục biên dịch và ấn tống những dẫn giải về Kinh Luận cùng các bài Pháp thoại của Cố Lão Hòa Thượng. Kính mong quý Phật tử hoan hỷ hỗ trợ công đức ấn tống kinh sách và bằng đọc của bốn Viện được viên mãn. Chi phiếu xin đề DRBA/ Vietnamese Account.

Xin Lưu Ý: Ban Phiên Dịch Việt Ngữ và Bồ Đề Hải đã thay đổi địa chỉ. Địa chỉ mới là:



Gold Sage Monastery
 11455 Clayton Road
 San Jose, CA 95127
 Tel. (408) 923 - 7243
 Fax. (408) 923 - 1064

NGUYỆN

Thế nào gọi là Nguyên? - Nguyên là ý nguyện, tức là chỗ ý hướng đến, tâm nghĩ điều gì đó rồi phát ra lời nguyện. Nguyên có bốn thứ tức là:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

Chư Phật cùng Bồ tát thuở quá khứ, chư Phật, Bồ tát ở hiện tại; chư Phật, Bồ tát trong tương lai cũng đều y theo bốn hoẵng thế nguyện này mà tu hành chứng quả. Bốn hoẵng thế nguyện này là y theo bốn đế mà phát ra. Bốn đế là: Khổ đế, Diệt đế, Tập đế và Đạo đế.

Y theo Khổ đế thì phát ra lời nguyện: “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”; y theo Tập đế thì phát lời nguyện “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”; y theo Đạo đế thì phát ra lời nguyện “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”; y theo Diệt đế thì phát ra lời nguyện “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.”

Hơn nữa, bốn hoẵng thế nguyện cũng là chiếu theo ba khổ: Khổ khổ, Hành khổ, Hoại khổ của chúng sanh mà phát ra. Khổ khổ chính là những nghèo cùng khốn khổ của chúng sanh. Hoại khổ chính là chúng sanh dù được giàu sang, nhưng sự giàu sang đó hư hoại đi. Hành khổ chính là đã không phải bị khổ sở vì nghèo thiếu, cũng không phải là giàu sang bị hư hoại, mà là hành khổ của vô thường biến đổi. Từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến già, từ già đến chết, suốt cả một đời niệm niệm đổi dời, cho nên có ba khổ.

Tám khổ: Sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh.



Sanh là khổ, già là khổ, có bệnh là khổ, lúc chết lại càng khổ, sanh già bệnh chết đều là khổ; Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn thấy khổ sanh già bệnh chết liền phát tâm xuất gia, tu hành. Ái biệt ly khổ là nỗi khổ đối với người mình yêu thích mà vì hoàn cảnh nào phải xa lìa. Yêu mà phải xa lìa là một thứ khổ, mà không yêu lại thường hội tụ ở một chỗ cũng là một thứ khổ, đó gọi là Oán Tăng hội khổ. Ví dụ: Mình không thích người ấy, ở một nơi nào đó lại chạm mặt với người ấy và cùng làm việc chung với họ, nỗi ấy gọi là Oán tăng hội khổ. Lại có một thứ gọi là Cầu bất đắc khổ, nghĩa là không toại lòng mong muốn, mong muốn được mà không thể

được. Khi chưa được thì lo lắng cho được, khi đã được rồi thì sợ mất mát. Nhưng cái thứ khổ lo được lo mất không kể gì lợi hại, chính là Ngũ ấm xí thành khổ. Ngũ ấm là Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm thứ này giống như là ngọn lửa cháy bùng bùng. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm ấm này giờ giờ khắc khắc đều đi theo trên thân thể chúng ta gây nên vô vàn sự thống khổ.

Ngoài tám khổ ra còn có vô lượng vô biên khổ nữa. Tại sao có quá nhiều khổ như vậy? Đó là vì chúng ta trong đời quá khú gieo trồng quá nhiều nhơn khổ, cùng làm bạn bè với chúng mà không muốn xa lìa, vì thế gieo trồng nhơn duyên của khổ này mà nhận lấy khổ quả.

Cho nên nói:

“Muốn biết nhơn đời trước, hãy xem đời nay nhận quả gì”.

“Muốn biết quả đời sau, hãy xem đời này gieo nhơn gì”.

Vì thế gieo trồng nhơn lành thì sẽ hưởng kết quả lành, gieo trồng nhơn ác thì sẽ nhận kết quả ác, lúc quả thành thực thì lòng rất sợ hãi. Bồ tát thì sợ nhơn chứ không sợ quả; còn chúng sanh thì sợ quả chứ không sợ nhơn. Sợ tức là sợ hãi. Bồ tát thì sợ nhơn chứ không sợ quả, cho nên cẩn thận, dè dặt, không trồng nhơn khổ, vì thế các Ngài không có quả khổ. Ở thời quá khứ, khi chưa rõ đạo lý, các Ngài cũng gieo trồng nhơn khổ; hiện tại quả khổ đến, các Ngài vui vẻ tiếp nhận, vì hiểu rõ rằng thọ khổ thì hết khổ, hưởng phước thì hết phước. Nhưng chúng sanh sợ quả mà không sợ nhơn, khi gieo trồng nhơn bất kể là nhơn tốt hay xấu, nhơn thiện hay ác, cứ cho là việc nhỏ không ăn thua gì, cho nên mặc tình gây tạo, không để tâm cẩn thận một tí nào. Nhơn gì cũng gieo, nên khi họ khổ thì thọ hoài không hết, rồi than van rằng: “Sao mà gặp cái thứ hoàn cảnh trở trêu như vậy?” Đã sợ

nhận lấy quả khổ, thế thì trước kia đừng gieo trồng nhơn khổ có hơn không? Sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây thì không có nỗi khổ, chỉ thọ các điều vui. Không có một chút khổ nào là vì người ở đó đều thanh tịnh, không có tâm tranh đua, tham dục, si mê và ba ác đạo. Vì không có ba độc tham sân si cho nên không có ba thứ ác đạo. Ba ác đạo là do ba độc biến hiện ra.



Phật độ tất cả chúng sanh mà không thấy một chúng sanh nào được diệt độ, đó chính là phát tâm khiến cho tất cả người tu Bồ tát đạo, khiến tất cả người lìa khổ được vui, khiến tất cả người đều được thành Chánh giác. Dầu độ chúng sanh nhưng không có tướng độ chúng sanh. Độ sanh lìa tướng, lìa tướng độ sanh, không dính mắc vào tướng mà nói: “Chúng sanh này là của tôi độ, chúng sanh kia cũng của tôi độ, độ 1 người,...10 người, tôi độ được 10 chúng sanh”. Độ chúng sanh phải là không tính số, có tính số thì có chấp trước, không tính số thì không chấp trước. Độ mà không độ, không độ mà độ, đó mới thiệt là độ chúng sanh. Chúng sanh bên ngoài dĩ nhiên là đáng độ. Chúng sanh trong tự tánh cũng phải đáng độ. Trong tự tánh có 84.000 chúng sanh, càng cần phải độ cho nó tu hành thành Phật, nhập Niết bàn. Độ chúng sanh, có độ là độ phiền não của chúng sanh, không độ thì chúng sanh vẫn còn phiền não, mà phiền não có 84.000 thứ. Hàng Nhị thừa dứt được Kiến hoặc và Tư hoặc, nhưng vẫn còn Trần sa hoặc. Bồ tát có Vô minh hoặc. Vô minh là thứ nặng nề nhất. Chúng sanh trừ được Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc, nhưng vẫn còn Vô minh hoặc. Bồ tát Đẳng

giác dứt được Trần sa hoặc, khi sắp thành Phật, hãy còn một phần Sanh tướng vô minh rốt sau, cũng giống như 84.000 sợi lông chỉ còn thừa lại một sợi, chỉ cần nhổ được sợi lông đó là xong. Bồ tát Đẳng giác dứt được Sanh tướng vô minh, liền chứng Diệu giác, tức thành Phật.

Sau gọi là Kiến hoặc? - Kiến là đối cảnh khởi tâm tham ái. Đối cảnh giới khởi tâm tham cùng tâm ái, không thấy rõ cảnh giới này mà nhận rằng tất cả là thật có. Vì nhận cho là thật nên ăn cơm cũng là thật, ngủ nghỉ cũng là thật, không có bạn bè cũng cho là thật, đó chính là không rõ ràng. Thấy (kiến), cho là tốt đẹp, rồi sanh ra tham ái vô cùng vô tận, không bao giờ biết đủ biết chán, đó chính là Kiến hoặc, đối cảnh khởi tâm tham ái.

Sao gọi là Tư hoặc? - Tư hoặc chính là mê lý khởi tâm phân biệt, đối lý không thấu suốt mà khởi ra phân biệt. Không biết vị Pháp sư đó giảng có đúng không? Có chỗ nào hay không? Có lợi ích gì cho mình không? Không lợi ích thì không muốn làm. Việc mình làm nhất định phải có lợi ích, chỉ thấy trước mặt 3 tác, mà chẳng thấy được trước mặt 4 tác. Chỉ thấy cảnh trước mắt mà chẳng thấy được nơi chốn xa xôi kia. Đó đều là Tư hoặc.

Tư hoặc chính là những tư tưởng không rõ ràng, mơ mơ hồ hồ. Không đúng cho là đúng. Vừa rồi tôi nói nhận cho ăn cơm là thật, mặc áo cũng là thật, nếu không phải là giả thì anh thấy cái gì là thật ư? Mặc áo, ăn cơm, ngủ nghỉ đều là quá trình của đời người. Anh không cần chấp trước phải nhận chân là thế nào. Nếu anh không chấp trước thì có thể nhẹ nhàng tự tại. Còn nếu anh chấp trước thì sẽ bị thống khổ. Nếu anh cho là tất cả đều không thật, thì sẽ không có tham ái, giống như trong chiêm bao làm những việc lung tung. Nghĩ ra như thế anh sẽ buông bỏ hết, mọi sự tình rồi sẽ qua đi. Nếu anh bỏ không được thì có chấp trước, mọi sự tình sẽ không qua được. Đó là Kiến hoặc. Có 88 phẩm

Kiến hoặc và 81 phẩm Tư hoặc. Phá được Kiến hoặc trong ba cõi thì chứng được Sơ quả A-la-hán. Kiến hoặc không phá được thì không thể nào chứng quả được. Đối với tất cả cảnh giới anh có tâm ái không? Có tâm tham không? Đối với cảnh có khởi tâm tham ái không? Đối với cảnh giới vừa lòng có khởi tâm tham ái không? Đối với cảnh giới không vừa lòng có khởi tâm giận ghét không? Anh có thể trừ bỏ được tâm tham ái không? Nếu anh thiệt không có, thì rất cuộc nó sẽ không còn tồn tại. Làm sao biết “anh không có tham ái?” Nhon vì anh còn biết có chính mình trong đó cho nên anh nói không tham không ái, nhưng mà lại còn có cái Ngã ở trong, vì chưa chứng Sơ quả nên chưa phá được. Việc đó không phải nói không là không một cách dễ dàng.

Ngũ lợi sử là: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến. Sao gọi là Lợi? -Lợi là đến nhanh chóng, trái với Độn là đến chậm chạp.

1. Thân kiến: Chấp trước đây là thân thể của ta. Thân thể của ta gầy đi, cảm thấy ăn không ngon, mặc không vừa ý, ở không thoải mái. Thân thể ta như thế thì làm sao an toàn được? Suốt ngày từ sáng tới tối cứ



lo nghĩ về mình.

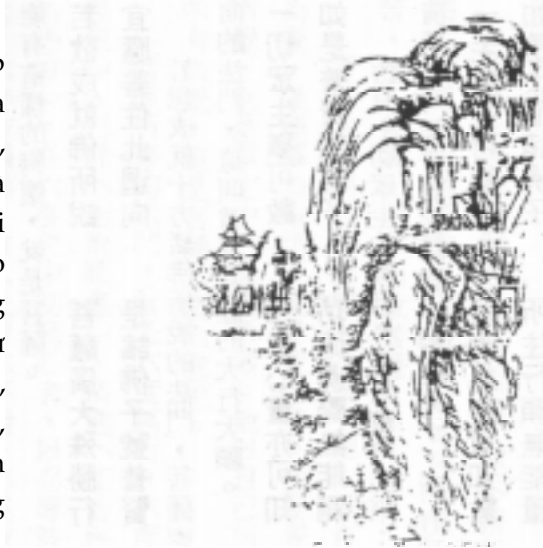
2. Biên kiến: Chính là chấp đoạn chấp thường. Chấp đoạn thì cho rằng người ta chết đi trở về với hư không, không còn gì nữa, như dầu hết đèn tắt. Chấp thường thì cho là con người chết đi, thì sao? Vẫn làm người nữa; chó mãi mãi làm chó, mèo cứ làm mèo hoài; người luôn luôn làm người, chó không đổi làm chó mèo được. Những kiến chấp như trên lạc vào nhị biên nên gọi là Biên kiến, không hợp với Trung đạo. Đời này làm người, đời sau vẫn làm người. Cỏ vẫn là cỏ, cây vẫn là cây, người không thể làm súc sanh, cũng không thể làm quý. Đó chính là Biên kiến.

3. Tà kiến là thế nào? - Tà kiến là cho rằng làm lành không có quả báo lành, làm ác cũng không có quả báo ác. Họ bác không như quả, hoàn toàn không như không quả. Họ không tin làm lành được phước, làm ác phải tội.

4. Giới cấm thủ kiến: Dạy người giữ giới bò, giới chó. Giữ giới bò là bắt chước theo bò ăn cỏ. Tại sao thế? Như vì họ thấy biết sai lầm, thấy bò được sanh lên trời cho nên bắt chước theo bò, thấy chó được sanh lên trời cho nên bắt chước theo chó.

Giới kiến: Không phải như chấp là như, cũng là giới thủ. Người xuất gia giữ giới có tâm chấp trước này, họ chấp rằng ta hay giữ giới, giới này là giới của ta giữ, có một thứ tâm hay giữ giới và những giới được giữ. Họ không biết rằng bản thể của giới xưa này vốn là rỗng không, không nên chấp trước. Hễ có chấp trước thì biến thành Giới thủ.

5. Kiến thủ kiến: Không phải quả chấp là quả. Không phải là quả rất ráo, họ cho đó là quả rất ráo. Họ cho Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Xứ là Niết bàn, đó gọi là “không phải quả chấp là quả”.



Tứ Thiên: Sơ thiên thiên, Nhị thiên thiên, Tam thiên thiên, Tứ thiên thiên.

Người tọa thiền lên đến cảnh giới Sơ thiên có thể không còn thở nữa, không có sự hô hấp. Ở cảnh giới này tuy không còn hô hấp nhưng vẫn có một niệm động, một khi phát sanh niệm động này thì hô hấp sẽ trở lại. Đó là Sơ thiên.

Nhị thiên là mạch đứt rồi, khi hô hấp không còn nữa thì mạch cũng ngừng luôn, giống như người chết. Tuy mạch ngừng đập nhưng không phải chết. Đó là cảnh giới của Nhị thiên.

Tam thiên là ngòi cho đến ý niệm cũng ngừng bật. Ở Sơ thiên, Nhị thiên không còn hô hấp nữa, mạch cũng ngừng đập, nhưng lại còn ý niệm, đến Tam thiên thì ý niệm đó cũng không còn nữa vì thường ở trong định.

Đến Tứ thiên thì chỉ còn thức mà thôi. Tam thiên không có ý niệm là không có ý niệm thô, nhưng ý niệm tế vẫn còn; đến Tứ thiên cả ý niệm tế cũng đứt luôn. Cảnh giới này chỉ là con đường cần phải kinh qua của người tu Thiền, chớ không phải là quả chứng. Không chỉ nói Tứ thiên, mà ngay cả Tứ không

xú: Không vô biên xú, Thức vô biên xú, Vô sở hữu xú, Phi tướng phi phi tướng xú cũng chẳng qua chỉ là một thứ định, chớ không phải là quả chứng; nếu có chấp lấy (Kiến thủ) thì có thể cho cảnh giới này là Niết bàn và cho là chứng đắc quả A-la-hán thứ tư. Như Vô Văn Tỳ-kheo cho Tứ thiên là Tứ quả, đó là vì anh ta không thông hiểu. Những Kiến hoặc... ở trên là Ngũ lợi sử.

Tư hoặc... là Ngũ độn sử. Độn tức là đến chậm chạp. Ngũ độn sử là tham, sân, si, mạn, nghi. Tại sao người ta có phiền não? - Đó là vì có vô minh. Sau khi Vô minh sanh ra thì có Trần sa hoặc. Trần sa hoặc còn gọi là Vô minh hoặc, tức là không có hiểu biết đúng đắn. Tư hoặc cũng có thể gọi là Vô kiến hoặc, tại vì sau khi Vô minh sanh ra bèn có tham, nghĩ rằng phải có được cái gì đó, bèn sanh ra tâm tham, rồi sanh ra các thứ phiền não; phiền não một khi sanh ra, sẽ sanh ra tâm Sân; tâm Sân một khi sanh ra thì chỉ biết về mình mà chẳng biết có người khác. Vì chỉ biết có mình, cho nên khi tâm sân hận sanh ra thì muốn hạ thấp giá trị của người khác. Có thứ tâm này chính là ngu si, không phân biệt được phải quấy trắng đen, bất kể tất cả. Nguyên do chính là không biết đạo lý, ngay đến ngu si, phải quấy, cong ngay, đen trắng đều không nhận ra. Vì ngu si mới sanh ra tâm kiêu mạn. Vì có tâm kiêu mạn nên lại sanh ra nghi ngờ, không tin đạo lý do bất cứ ai giảng giải. Thiệt cũng không tin, giả càng không tin nữa. Sanh ra mọi thứ hoài nghi, đó chính là Tư hoặc. Do Kiến hoặc, Tư hoặc, Trần sa hoặc mà thành các thứ Vô minh phiền não. Cho nên các thứ phiền não vô cùng vô tận không có lúc nào hết. Trước tình hình này người tu hành phải nương vào Tứ đế mà phát lời thệ nguyện: “Phiền não vô tận thệ dứt trừ”.

“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, nghĩa là người tu hành cần phải hiểu rõ các thứ pháp môn. Các thứ pháp môn nhiều vô lượng

vô biên, cũng chính là một thứ pháp môn để tu hành. Nếu không rõ biết phương pháp thì không thể tu hành được, vì muốn tu hành thì phải hiểu rõ phương pháp. Phương pháp này rất nhiều, nhiều đến vô lượng vô biên, cho nên phải nương theo Đạo đế mà phát nguyện lực: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.

Sao gọi là pháp môn vô lượng? Vô lượng pháp môn từ đâu mà có? - Ấy là: Phật nói tất cả pháp như vì tất cả tâm của chúng sanh. Nếu không tất cả tâm, thì cần gì tất cả pháp? Tất cả pháp đều do tâm chúng sanh mà có, vì tâm chúng sanh có ngàn sai muôn khác, các thứ không giống nhau, tâm của mỗi con người đều không giống nhau, cho nên pháp môn cũng có nhiều thứ không đồng. Tóm tắt lại pháp có ba thứ: Phật pháp, tâm pháp và chúng sanh pháp. Ba pháp này sanh ra Tứ đế, Lục độ, 12 như duyên, 37 phẩm Trợ đạo... Cho nên nói: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.

Pháp môn có rất nhiều, giống như chúng ta giảng bộ kinh này xong lại giảng đến bộ kinh khác, đó không phải là do vô lượng hay sao? Chúng ta hiện tại giảng kinh cũng như một giọt nước trong biển cả mà thôi! Chớ không là tất cả nước trong biển cả đều được hết. Chúng ta học Phật pháp để làm gì? Tại sao phải học Phật pháp? Như vì học Phật pháp chính là muốn được thành Phật.

Nhưng thành Phật có phải là vọng tưởng không?

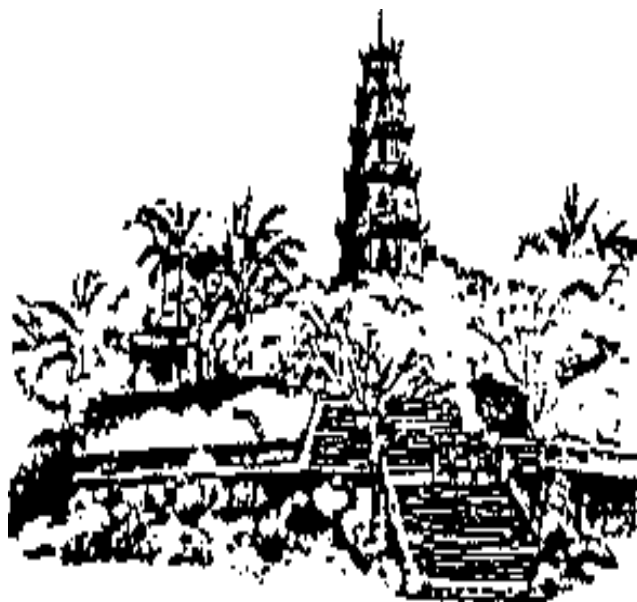
-Thành Phật không phải là vọng tưởng đâu, tại vì vị Phật là quả vị xưa nay sẵn có của chúng ta, mọi người đều có thể thành Phật, vì thế chúng ta phải nhanh một bước để sớm thành quả Phật, và y theo Diệt đế mà phát lời nguyện: “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

Diệt đế chính là đạt đến Niết bàn, đạt đến quả vị rốt ráo thanh tịnh bất sanh bất diệt, cho nên nói là “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”. Chúng ta đối với sự kiện thành Phật không cần phải hoài nghi nữa; nhưng nếu có hoài nghi, cũng có thể thành Phật, duy có điều chậm một chút mà thôi. Nếu không có tâm hoài nghi thì sẽ thành Phật sớm hơn. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật, nhưng không thể nói: “Tất cả chúng sanh đều là Phật”. Nếu chịu tu hành thì mới có thể thành Phật, nếu không chịu tu hành thì tất cả chúng sanh vẫn chỉ là chúng sanh mà thôi, không thể thành Phật được. Làm Phật là lý, nhưng cũng có một cái “Đạo thành Phật”, với điều kiện là phải nương theo pháp tu hành. Nếu không nương theo pháp tu hành thì các tâm tham, sân, si, mạn, nghi đều không từ bỏ được, không thể nào mau thành Phật được. Vì thế nên phải phát bốn hoằng thế nguyện. Chúng ta bất luận là làm việc gì cũng cần phải phát lời nguyện trước, rồi sau mới theo lời nguyện mà thực hành. Có thể mới đạt đến mục đích, hy vọng mới có thể thành tựu được.

Nói đến đây, tôi nhớ lại một công án: Có một lần Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mang theo rất nhiều đệ tử đến một nước nọ để giáo hóa chúng sanh. Người trong nước này thấy Phật đến liền đóng cửa lại, không có ai chịu bố thí, cũng không ai đến cung kính chào hỏi. Phật đã đến nước ấy rồi, không có ai ra đón rước, vì không có duyên với các đại thần và nhơn dân ở đó. Nhưng khi ngài Mục Kiền Liên đến thì cả quốc vương, đại thần và nhơn dân đều hướng về Ngài cung kính đánh lễ, tranh nhau đến cúng dường. Các đệ tử Phật thấy thế, nhưng không biết tại sao, bèn hỏi Phật: “Tại sao Phật đến nước này không ai chịu cúng dường cả, mà Ma Ha Mục Kiền Liên, đệ tử Phật, đi đến đây lại được mọi người tranh nhau cúng dường?” Phật đáp: “Đó là do nhơn duyên đời trước”.

Từ vô lượng kiếp về trước, Mục Kiền Liên cùng Phật ở chung một chỗ, Mục Kiền Liên lên núi đốn củi, còn Đức Phật xuống dưới núi sửa đường và rất ghét bầy ong, mà Mục Kiền Liên lại rất thích chúng. Đức Phật Thích Ca lúc ấy, khi còn tu nhơn, thường lấy khói hun đốt chúng, mà Mục Kiền Liên lại bị chúng đốt đau nhức. Tuy bị đau nhức, nhưng Mục Kiền Liên không dùng lửa để hun đốt, trái lại còn phát nguyện: “Về sau tôi đắc đạo sẽ độ trước bầy ong có nhiều tánh Tu-la này”. Đời đời kiếp kiếp về sau, bầy ong này biến thành ra người trong một nước. Ong chúa là vua, các ong thợ là dân. Ngày xưa Phật Thích Ca nhơn vì ghét chúng, từng dùng khói hun đốt chúng, nên bây giờ đến nước ấy không có ai ra đón tiếp, quốc vương, đại thần, nhơn dân cũng không chịu cúng dường Ngài. Trái lại, Ngài Mục Kiền Liên đã có phát nguyện sau khi đắc đạo sẽ độ bầy ong này, cho nên đời này gặp lại nhau thì quốc vương và nhơn dân nước ấy tranh nhau đến cúng dường. Do đây chúng ta biết rằng nhơn quả rất trọng yếu, vì thế nhất định phải phát nguyện.

(Trích từ Kinh Phật Thuyết A Di Đà, HT Tuyên Hóa lược giải).



Thông Báo



Vạn Phật Thánh Thành (Thất và Pháp Hội năm 1999)

Quán Âm Thất:

Mỗi năm Vạn Phật Thành đều tổ chức ba lần Quán Âm Thất. Mỗi thất kéo dài bảy ngày, chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát:

1) Tháng 4: từ ngày 4 đến ngày 10

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 4/4.

2) Tháng 7: từ ngày 25 đến 31

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 25/7.

3) Tháng 10: từ ngày 24 đến ngày 30

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 24/10.

Địa Tạng Thất:

Từ chủ nhật ngày 5 đến thứ bảy ngày 11 tháng 9, chuyên tụng Kinh Địa Tạng và trì niệm hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ vía Đức Địa Tạng Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 5 tháng 9, ngày đầu tiên của Thất.

Lễ Vu Lan sẽ tổ chức vào chủ nhật ngày 22/8.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 19 đến thứ bảy ngày 25 tháng 12 năm 1999, chuyên trì niệm hồng danh đức Phật A Di Đà.

Lễ vía đức Phật A Di Đà sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 19/12/1999.

Thiền Thất:

- Một tuần thiền tập mùa hè dành cho beginners bắt đầu từ chủ nhật ngày 1 đến chủ nhật ngày 8 tháng 8.

- Ba tuần thiền thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 26 tháng 12 năm 1999 đến ngày 16 tháng 1 năm 2000.

Hoa Nghiêm Pháp Hội

Cũng như mọi năm để kỷ niệm ngày Cố Lão Hòa Thượng viên tịch, Vạn Phật Thành đều tổ chức Pháp Hội Hoa Nghiêm, trong suốt 21 ngày chuyên trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ 8 giờ sáng

đến 5 giờ chiều. Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7.

Lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào ngày đầu tiên của Pháp Hội tức là vào chủ nhật ngày 20 tháng 6.

Vạn Phật Sám

Hằng năm, cứ vào mùa Xuân, Vạn Phật Thánh Thành có tổ chức lạy Sám Vạn Phật. Lễ Sám căn cứ vào Kinh Phật Thuyết Vạn Phật Danh.

Kinh Hoa Nghiêm dạy :

*Như Lai rất khó được thấy nghe
Chúng sanh ước kiếp mới đặng gặp.*

Thời Mạt Pháp, nghe được tên Phật, thấy được tượng Phật đã là nhân duyên thù thắng lắm. Nay nhờ Sám Vạn Phật, chúng ta sẽ được nghe, được đọc tụng, được lễ lạy, được cúng dường và được tán thán hơn mười ngàn đức Phật. Thật công hạnh nào thù thắng bằng ! Đức Phật vốn luôn hiện tiền, phóng hào quang gia bị cho chúng sanh. Chỉ bởi chúng ta phiền não, ngu ám, chẳng thành tâm nên chẳng tiếp xúc được từ quang của Ngài. Do đó trọng tâm của Sám Vạn Phật là để chúng ta, với phương pháp lễ lạy chư Phật, chân thành sám hối với tự tâm và với Phật về mọi lỗi lầm, ác nghiệp đã tạo. Đức Thế Tôn dạy rằng hễ ai cung kính, thành tâm lễ Phật thì vô lượng tội nghiệp tức thời tiêu diệt, vô biên phước đức đồng thời cụ túc.

Lễ Vạn Phật Sám sẽ kéo dài từ **1 đến 21 tháng 5**.

Những khóa tu hay Thất trên là cơ hội rất tốt để quý Phật tử chuyên tâm dụng công, là môi trường rất tốt để cho công phu được miên mật. Xin liên lạc Vạn Phật Thành để biết thêm chi tiết.

Hòa Thượng Hư Vân Họa Truyện

15. RỜI BỎ ĐỜI THẾ, CÙNG BẠN XUẤT GIA



Ngài Hư Vân và người em họ là Phú Quốc có mối thâm tình huynh đệ gắn bó, tôn trọng lẫn nhau. Phú Quốc cũng nghiên cứu tìm hiểu Phật pháp nên chàng có đồng chí hướng, đồng tâm đạo như ngài. Do đó lúc ngài được 19 tuổi, ngài cùng Phú Quốc bỏ nhà lên đường tới Cù Sơn để xuất gia tu đạo. Lúc ra đi ngài có làm bài thơ tên "Bi Đại Ca" (Bài hát của Túí Thệt) lưu lại cho hai người vợ họ Điền và họ Đàm.

Hòa Thượng Tuyên Hóa có bài kệ khen như sau:

Phật hóa đường đệ, độ A Nan,
Công hài Phú Quốc thượng Cù Sơn,
Thù đồ đồng quy nhất bi khổng,
Bỉ trượng phu hề, ngã diệc nhiên.

Dịch là:

*Phật dạy em họ, độ A Nan,
Ngài cùng Phú Quốc tới Cù Sơn,
Đường tuy sai khác, đích là một,
Ngài là trượng phu, ta cũng vậy.*

Dharma Realm Buddhist Association *
Gold Sage Monastery
11455 Clayton Road
San Jose, CA 95127 - USA
Fax. (408) 923 - 1064

To : _____

Non-Profit Org.
US POSTAGE
PAID
Long Beach, CA
Permit No.432

* **Bồ Đề Hải** phát hành mỗi 3 tháng (quarterly). Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Gold Sage Monastery. Chi phiếu ủng hộ ấn tống, xin đề: DRBA/Bồ Đề Hải Newsletter.